

Bản án số: 15/2018/DS-ST

Ngày: 16/8/2018

“V/v Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Ngọc Quyên;

2. Bà Nguyễn Thị Hậu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thuận - Thư ký Toà án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:
Ông Dương Phước An, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, số 60 Nguyễn Huệ, thành phố Huế xét xử công khai vụ án thụ lý số: 212/2017/TLST- DS ngày 11 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST-DS ngày 02/7/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 442/2018/QĐST-DS ngày 23/7/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: 266 – 268 đường Ng, Phường 8, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Ngô Hùng P - Chức vụ: Trưởng phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S, chi nhánh Huế (theo văn bản ủy quyền số 1024/2017/GUQ-CNTTH ngày 29/12/2017).

Địa chỉ: 126 đường Ng, phường P, thành phố Huế. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Đình Ái Q.

Địa chỉ: 179/7 đường Tr, phường Ph, thành phố Huế. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 07/4/2014 giữa Ngân hàng TMCP S và anh Trần Đình Ái Q có ký hợp đồng tín dụng số LD1409700388, anh Q vay số tiền 80.000.000đồng, mục đích tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, thời điểm trả hết nợ tháng 07/4/2018; lãi suất 8,4%/năm và có thể điều chỉnh theo thương lượng của hai bên. Theo thỏa thuận tại hợp đồng thì anh Q có nghĩa vụ trả số tiền 106.880.000đồng, trong đó tiền gốc là 80.000.000đồng, tiền lãi 26.880.000đồng. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP S đã giải ngân toàn bộ số tiền 80.000.000đồng cho anh Q vay. Quá trình trả nợ, anh Q đã trả cho ngân hàng được số tiền 46.844.167đồng, trong đó tiền gốc là 34.986.000đồng, tiền lãi 11.858.167đồng. Đến ngày 26/11/2015, anh Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP S đã chuyển toàn bộ các khoản nợ qua nợ quá hạn. Ngày 13/11/2017, Ngân hàng TMCP S đã khởi kiện tại Tòa án yêu cầu anh Q phải trả tổng số tiền 70.351.151đ, trong đó nợ gốc: 50.012.000đ, nợ lãi trong hạn quá hạn: 13.440.000đ, lãi quá hạn phát sinh: 6.898.151đ. Trong quá trình khởi kiện, anh Q có trả được 4.498.000đ (đã trừ vào số tiền nợ gốc) và hứa hẹn sẽ tiếp tục trả nợ nhưng vẫn không trả. Tính đến ngày 16/8/2018, anh Q còn nợ ngân hàng số tiền 70.939.981đ, trong đó nợ gốc 45.014.000đồng, nợ lãi trong hạn quá hạn: 15.120.000đ; nợ lãi quá hạn phát sinh 10.805.981đ. Do anh Q đã trả được 4.498.000đ nên ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 4.498.000đ, nay yêu cầu anh Q phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 70.939.981đ, trong đó nợ gốc 45.014.000đồng, nợ lãi trong hạn quá hạn: 15.120.000đ, lãi quá hạn phát sinh 10.805.981đ và tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ.

Phía bị đơn – anh Trần Đình Ái Q: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương thì anh Q không còn cư trú tại địa chỉ như khi ký kết hợp đồng tín dụng và hiện nay anh Q cư trú ở đâu thì chính quyền địa phương không biết, Tòa án nhân dân thành phố Huế đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh Q không đến làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai, cũng như công khai chứng cứ và hòa giải được.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế có ý kiến:

[1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn anh Trần Đình Ái Q đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 4.498.000đ; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Trần Đình Ái Q phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 70.939.981đ và tiền lãi phát sinh của số tiền nợ gốc sau ngày xét xử sơ thẩm đến khi trả hết nợ.

Về án phí: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Trần Đình Ái Q đến Tòa án để làm việc nhưng anh Q không đến. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương thì anh Trần Đình Ái Q có đăng ký hộ khẩu tại 179/7 Trần Phú, phường Phước Vĩnh, thành phố Huế nhưng hiện tại anh Q không còn sinh sống ở địa chỉ trên và không biết địa chỉ hiện tại của anh Q nên Tòa án nhân dân thành phố Huế đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Trần Đình Ái Q đến tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng anh Q vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do anh Trần Đình Ái Q vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã được ký kết nên Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam khởi kiện yêu cầu anh Q phải trả cho ngân hàng số tiền số 70.351.151đ, trong đó nợ gốc: 50.012.000đ, nợ lãi trong hạn quá hạn: 13.440.000đ, lãi quá hạn phát sinh: 6.898.151đ. Trong quá trình khởi kiện, anh Q có trả được 4.498.000đ (đã trừ vào số tiền nợ gốc). Do anh Q đã trả được 4.498.000đ nên ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền gốc 4.498.000đ, việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 4.498.000đ là tự nguyện, cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tính đến ngày 16/8/2018, anh Q còn nợ ngân hàng số tiền 70.939.981đ, trong đó nợ gốc 45.014.000đ, nợ lãi trong hạn quá hạn: 15.120.000đ; nợ lãi quá hạn phát sinh 10.805.981đ.

Xét hợp đồng tín dụng số LD1409700388 ngày 07/4/2014, được ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và anh Trần Đình Ái Q là tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Việc anh Q không trả nợ cho ngân hàng như thỏa thuận tại hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng.

Về số tiền lãi quá hạn, theo quy định của pháp luật, mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn của hợp đồng tín dụng. Tại hợp đồng tín dụng số LD1409700388 ngày 07/4/2014, các bên thỏa thuận mức lãi suất trong hạn là 8,4%/năm nên việc Ngân hàng TMCP S lấy mức lãi suất 12,6%/ năm để tính số tiền lãi quá hạn là đúng quy định của pháp luật.

Do đó, Ngân hàng TMCP S khởi kiện buộc anh Trần Đình Ái Q phải trả số tiền còn nợ 70.939.981đ, trong đó nợ gốc 45.014.000đ, nợ lãi trong hạn quá hạn: 15.120.000đ, lãi quá hạn phát sinh 10.805.981đ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Ngoài ra, kể từ ngày 17/8/2018, anh Trần Đình Ái Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4] Về án phí:

- Anh Trần Đình Ái Q phải chịu $70.939.981 \text{ đồng} \times 5\% = 3.547.000 \text{ đồng}$ (làm tròn).

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.760.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/003350 ngày 07/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 280, Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q Hội;

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 4.498.000đ

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Trần Đình Ái Q phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền 70.939.981đ, trong đó nợ gốc 45.014.000đồng, nợ lãi trong hạn quá hạn: 15.120.000đ, lãi quá hạn phát sinh 10.805.981đ theo Hợp đồng tín dụng số LD1409700388 ngày 07/4/2014.

Kể từ ngày 17/8/2018, anh Trần Đình Ái Q còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Trần Đình Ái Q phải chịu: 3.547.000đồng.

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.760.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/003350 ngày 07/12//2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA;
- Lưu dán án.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Tú